

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2024
MÔN THI: TOÁN

Lớp	Chủ đề	Nội dung kiến thức	Thời gian	Mức độ
11	Tổ hợp – xác suất – Dãy số	Hoán vị – Chỉnh hợp – Tổ hợp	02/5 – 11/5 (3 tiết)	- NB: Định nghĩa; Công thức hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp.
		Cấp số cộng, cấp số nhân, giới hạn của dãy số, hàm số		- NB: Tìm công sai, số hạng, tổng của cấp số cộng. Tìm công bội, số hạng, tổng của cấp số nhân. Tìm số hạng của dãy số khi biết số hạng tổng quát.
		Xác suất		- TH: Tìm giới hạn của dãy số, hàm số - TH: Tính xác suất
	Hình học không gian	Góc	02/5 – 11/5 (2 tiết)	-TH: tìm góc giữa hai đường thẳng, góc giữa đường thẳng và mặt phẳng; góc giữa hai mặt phẳng.
		Khoảng cách		-TH: khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau.
12	Đạo hàm và ứng dụng	Đơn điệu của HS	02/5 – 11/5 (4 tiết)	NB: Xác định khoảng đơn điệu của hàm số dựa vào BTT, đồ thị TH: Tìm khoảng đồng biến, nghịch biến dựa vào hàm số cho bởi công thức; tìm m để hàm số đồng biến, nghịch biến trên R hoặc trên từng khoảng xác định VDT: Tìm điều kiện để hàm số đồng biến, nghịch biến trên một khoảng VDC: Định m để hàm số đồng biến, nghịch biến hàm hợp, ...
		Cực trị của HS		NB: Tìm cực trị của hàm số dựa vào BTT, đồ thị TH: Tìm cực trị của hàm số cho bởi công thức; tìm m để hàm số đạt cực trị tại một điểm. VDT: Tìm điều kiện để hàm số có cực trị thỏa đk cho trước VDC: Định m để hàm số có cực trị của hàm hợp, hàm chứa giá trị tuyệt đối
		Min, Max của hàm số		NB: Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số khi biết đồ thị của HS trên một đoạn;

				TH: Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số trên một đoạn VD: Bài toán thực tế
		Đường tiệm cận		NB: Tìm đường tiệm cận khi biết hàm số; BBT; ĐN. TH: Tìm số đường tiệm cận khi biết hàm số.
		Khảo sát và vẽ đồ thị		- NB: Nhận dạng đồ thị - TH: Nhận dạng đồ thị - VD: Xác định dấu hệ số của hàm số
		Tương giao		- NB: Điểm thuộc đồ thị; số nghiệm phương trình khi biết đồ thị, BTT. - TH: Tìm tọa độ giao điểm - VD: Tìm tương giao thỏa đk cho trước; tương giao hàm hợp
	Hàm số mũ – Logarit	Lũy thừa – mũ – Logarit	13/5 – 18/5 (3 tiết)	- NB: Tìm lũy thừa, logarit; công thức lũy thừa, logarit - TH: Tìm TXĐ hàm số lũy thừa, logarit; biến đổi lũy thừa, logarit
		HS Mũ – Logarit		- NB: đồ thị hàm số mũ, logarit; tính đạo hàm của hàm số mũ, logarit. - TH: TXĐ của hàm số logarit; tính đạo hàm
		PT Mũ – Logarit		- NB: Phương trình mũ, logarit - TH: Phương trình mũ, logarit Bài toán thực tế
		BPT Mũ – Logarit		- NB: giải BPT mũ, logarit cơ bản - VDT: Bất phương trình tích lôgarit, mũ - VDC: Tìm nghiệm, tìm số nguyên dựa vào điều kiện bất phương trình
	Số phức	Định nghĩa và tính chất. Phép toán	20/5-25/5 (3 tiết)	- NB: Tìm phần thực của số phức, điểm biểu diễn số phức; mô đun; số phức liên hợp - TH: Tìm phần ảo của số phức; tổng, tích, thương
		PT bậc hai theo hệ số thực		- NB: Tìm nghiệm của PT bậc 2 với hệ số thực
		Min, Max của mô đun số phức		- VDT: Nghiệm của phương trình thỏa mãn điều kiện cho trước, tìm số phức thỏa ĐK cho trước - VDC: Cực trị số phức
	Nguyên Hàm – Tích Phân	Nguyên hàm		- NB: Tìm nguyên hàm cơ bản - TH: nguyên hàm đổi biến, từng phần. Tìm nguyên hàm thỏa đk cho trước - VD: Tìm nguyên hàm thỏa đk cho trước.

		Tích phân		- NB: Tính TP cơ bản; Tính chất tích phân. - TH: Tính tích phân có biến đổi - VD: Tìm tích phân thỏa đk cho trước
		Ứng dụng TP trong hình học		- NB: Công thức tính diện tích, thể tích - TH: Tính diện tích hình phẳng; thể tích khối tròn xoay; vật thể tròn xoay - VD: Tính diện tích, thể tích thỏa đk cho trước; bài toán thực tế.
	Khối đa diện	Đa diện lồi – Đa diện đều	13/5-18/5 (2 tiết)	- NB: Công thức thể tích khối đa diện; Tính thể tích khối đa diện - TH: Tính thể tích khối đa diện - VD: Tính thể tích khối đa diện, phân chia lắp ghép khối đa diện
		Thể tích khối đa diện		
	Khối tròn xoay	Khối nón, trụ, cầu		- NB: Công thức thể tích khối tròn xoay; diện tích xung quanh; xác định các yếu tố: chiều cao, đường sinh, bán kính - TH: Tính thể tích, diện tích khối tròn xoay - VD: Thiết diện, bài toán thực tế
	Giải tích trong không gian	Hệ trục tọa độ trong không gian	20/5-25/5 (2 tiết)	- NB: Xác định tọa độ véc tơ; độ dài véc tơ; tìm hình chiếu, điểm đối xứng qua trục tọa độ, mặt phẳng tọa độ. - TH: Tìm điểm thỏa đk cho trước
		Phương trình mặt cầu		- NB: Xác định tâm bán kính mặt cầu; công thức thể tích, diện tích - TH: Viết phương trình mặt cầu
		Phương trình mặt phẳng		- NB: Tìm điểm thuộc mp; xác định VTPT - TH: Viết PTMP thỏa đk cho trước - VD: Tìm hình chiếu, điểm đối xứng qua mặt phẳng
		Phương trình đường thẳng		- NB: Tìm điểm thuộc đường thẳng; tìm VTCP - TH: Viết PTĐT thỏa đk cho trước - VD: Viết PTĐT thỏa đk cho trước. Tìm hình chiếu, điểm đối xứng qua đường thẳng
	Ôn tập tổng hợp		27/5 – 01/6	Giải đề ôn TN
			03/6 – 08/6	Giải đề ôn TN
			10/6 – 15/6	Giải đề ôn TN
			17/6 – 22/6	Giải đề ôn TN

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

Tổ trưởng chuyên môn

Hồ Thị Thu Hà